



港区に住んでいる 外国人の声

Chinese	中文
Korean	한국어
Portuguese	Português
Spanish	Español
Filipino	Filipino
Vietnamese	Tiếng Việt
Nepali	नेपाली
Urdu	اردو

Chia sẻ của người nước ngoài sống ở quận Minato

ふだんの生活をするとき Khi sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày

つか におんご せいかつ
使おう! 日本語 ~生活をするとき~
Hãy sử dụng! Tiếng Nhật
~ Khi sinh hoạt ~



に ほんご つか し こと おお
日本語が 使えと できる 仕事が 多くなります。

Nếu có thể sử dụng tiếng Nhật thì có thể làm được sẽ nhiều công việc hơn.

かいご し こと
介護の 仕事をしていたとき、
はじめは、からだ うご かし こと
は、体を 動かす 仕事しか
できませんでした。
に ほんご おぼ き ろく
日本語を 覚えて、記録を つける
し こと
仕事も できるようになりました。
(インドネシアから 来た 人の 話)

Khi làm công việc điều dưỡng, lúc đầu tôi chỉ có thể làm công việc giúp khách hàng vận động cơ thể.

Sau khi học tiếng Nhật, tôi đã có thể làm được công việc ghi chép lại.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Indonesia)

に ほんご つか はたら じょうけん
日本語が 使えることを 働く 条件にしている
かいしゃ おお
会社も 多いです。
だから、に ほんご つか はたら
だから、日本語が 使えると、働く
かいしゃ み
会社が 見つけやすいです。
(東ヨーロッパから 来た 人の 話)

Có nhiều công ty đặt ra điều kiện làm việc là phải sử dụng được tiếng Nhật.

Do đó, nếu có thể sử dụng tiếng Nhật thì sẽ dễ dàng tìm được công ty để làm việc.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Đông Âu)

わたし はじめは、に ほんご はな
私も はじめは、日本語を 話すことが
できなくて たいへん
がんばって べんきょう はな
勉強して 話すことが
できるように になりました。
いま かいしゃ おな くに ひと
今は 会社で 同じ 国の 人の
つうやく
通訳をしています。
(ブラジルから 来た 人の 話)

Lúc đầu, tôi cũng rất khó khăn vì không thể nói được tiếng Nhật.

Tôi đã cố gắng học nên đã có thể nói chuyện được.

Hiện tại, tôi đang làm thông dịch cho những người cùng quê hương với tôi ở công ty.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Brazil)

くすり か やく た
薬を 買うときに 役に立ちます。

Có ích khi mua thuốc men.

やっ きょく ぐすり
薬局で、どの薬を いつ どれくらい
つか 使うかを 聞くことが できました。
(ベトナムから 来た 人の 話)

Tại nhà thuốc, tôi đã có thể hỏi được là khi nào thì nên sử dụng loại thuốc nào, và liều lượng là bao nhiêu.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Việt Nam)

ふだんの生活をするとき

Khi sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày

大切な人と話すことができます。
Có thể nói chuyện với những người thân yêu.

私の夫は日本人です。
日本語を勉強して、夫のお父さんや
お母さんなどの大切な人たちと
話すことができます。
(フィリピンから来た人の話)

Chồng tôi là người Nhật.

Sau khi học tiếng Nhật, tôi đã có thể nói chuyện với
những người thân yêu như bố mẹ của chồng tôi, v.v...

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Philippines)

日本の決まりを知ることができます。
Có thể biết được các quy tắc của Nhật Bản.

自分の国と日本で決まりが
違うことがあります。
知らないうちに決まりを
やぶってしまうかもしれません。
日本語ができると日本の決まりを
知ることができます。
(パキスタンから来た人の話)

Quốc gia của mình và Nhật Bản thì có những luật lệ
khác nhau.

Có thể vô tình vi phạm các quy tắc mà không biết.

Biết tiếng Nhật có thể biết được các quy tắc của Nhật
Bản.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Pakistan)

その他の声

Các chia sẻ khác

ほかにも下の声がありました。 Ngoài ra còn có những chia sẻ khác như dưới đây.

- 外国語よりも日本語で検索したほうが
日本の情報を探しやすいです。
- テレビやパソコンを買ったときに、
説明書でどのように使うかが
わかりました。
- 店の料理にアレルギーで
食べてはいけないものが
入っているか聞くことができました。
- 自分が考えていることや気持ちを
正しく伝えることができます。
- 日本の文化や日本人の考えかたを
知ると日本語がもっと
わかるようになります。
(いろいろな国から来た人たちの話)

• So với tiếng nước ngoài thì việc tìm kiếm bằng tiếng
Nhật sẽ dễ dàng tìm được nhiều thông tin về Nhật Bản
hơn.

• Khi mua tivi hoặc máy vi tính thì nhờ hiểu
sách hướng dẫn nên có thể hiểu được cách sử
dụng của nó.

• Có thể hỏi quán ăn xem trong món ăn có chứa
chất gây dị ứng mà mình không ăn được hay
không.

• Có thể truyền đạt chính xác suy nghĩ và cảm xúc của
mình.

• Nếu biết về văn hóa Nhật Bản và cách suy nghĩ của
người Nhật thì cũng sẽ trở nên hiểu được tiếng Nhật
nhiều hơn.

(Nội dung chia sẻ của những người đến từ các quốc gia
khác nhau)



港区に住んでいる 外国人の 声

Chinese	中文
Korean	한국어
Portuguese	Português
Spanish	Español
Filipino	Filipino
Vietnamese	Tiếng Việt
Nepali	नेपाली
Urdu	اردو

Chia sẻ của người nước ngoài sống ở quận Minato

こま 困ったとき

Khi gặp khó khăn

つか にほんご せいかつ
使おう! 日本語 ~生活をするとき~
Hãy sử dụng! Tiếng Nhật
~ Khi sinh hoạt ~



じ しん たいふう お あと やく た 地震や 台風が 終わった 後にも 役に立ちます。

Có ích sau khi động đất hoặc bão lụt kết thúc.

にほんご じ しん たいふう お
日本語は、地震や 台風が 終わった
あと 後にも 役に立ちます。
じ しん たいふう いえ こわ
地震や 台風で 家が 壊れたときは、
く やくしょ ほけんがいしゃ て つづ
区役所や 保険会社などの 手続きが
あります。
にほんご
日本語が できると、 て つづ
手続きを はやく
することが できます。
(ペルーから 来た 人の はなし 話)

Tiếng Nhật còn có ích sau khi động đất hoặc bão lụt kết thúc.

Khi nhà cửa bị hư hại do động đất hoặc bão lụt, có thể cần phải thực hiện các thủ tục liên quan tại cơ quan hành chính quận hoặc tại các công ty bảo hiểm, v.v...

Biết tiếng Nhật có thể thực hiện được nhanh chóng các thủ tục này.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Peru)

ひ がい 被害に あったときに 役に立ちます。

Có ích khi bị thiệt hại.

むかし ぬす
昔、 かばんを 盗まれたことが あります。
いつ どこで どんな かばんを
ぬす 盗まれたかを けいさつ ひと にほんご
警察の 人に 日本語で
くわしく はな 話すことが できました。
(南アメリカから 来た 人の はなし 話)

Hồi xưa, tôi đã từng bị đánh cắp túi xách.

Tôi đã có thể nói một cách chi tiết với cảnh sát về túi xách như thế nào, bị đánh cắp khi nào và ở đâu bằng tiếng Nhật.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Nam Mỹ)

こま ひと たす 困っている人を 助けることが できます。

Có thể giúp đỡ cho những người đang gặp khó khăn.

にほん きて たす
日本に 来たとき、 私は 日本語を
はな 話すことが できませんでした。
いま おな くに ひと つうやく
今は 同じ 国の 人の 通訳をしたり、
そう だん の
相談に 乗ったり できるように なりました。
こま ひと たす
困っている 人を 助けることが できて
うれしいです。
(中国から 来た 人の はなし 話)

Khi mới đến Nhật Bản, tôi không thể nói được tiếng Nhật.

Hiện tại, tôi đã có thể thông dịch cũng như tư vấn cho những người cùng quê.

Tôi rất vui vì có thể giúp đỡ cho những người đang gặp khó khăn.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Trung Quốc)



港区に 住んでいる 外国人の 声

Chinese	中文
Korean	한국어
Portuguese	Português
Spanish	Español
Filipino	Filipino
Vietnamese	Tiếng Việt
Nepali	नेपाली
Urdu	اردو

Chia sẻ của người nước ngoài sống ở quận Minato

子どもを 育てるとき

Khi nuôi dạy con cái

つか におう! 日本語 ~子どもを 育てるときなど~

Hãy sử dụng! Tiếng Nhật
~ Khi nuôi dạy con cái ~



赤ちゃんのことを くわしく 知ることができます。

Có thể biết chi tiết mọi thứ về trẻ sơ sinh.

日本では 病院で、お母さんと
おなかの 中の 赤ちゃんを 定期的に
みてもらいます。
私は 日本語で 医者と くわしく
話すことが できました。
通訳を 頼まなくて すんだので よかったです。
(フィリピンから 来た 人の 話)

Ở Nhật Bản, bà mẹ và em bé trong bụng sẽ được kiểm tra thường xuyên tại bệnh viện.

Tôi đã có thể nói chuyện một cách chi tiết với bác sĩ bằng tiếng Nhật.

Tôi rất vui vì không cần phải thông qua thông dịch viên.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Phillipines)

子どもと いっしょに 日本語を 勉強しました。

Tôi đã học tiếng Nhật với con của mình.

私は、子どもと いっしょに
日本語教室で 勉強しました。
とても 楽しかったので、ぜひ
やってみて ください。
(スリランカから 来た 人の 話)

Tôi đã cùng tham gia lớp học tiếng Nhật với con của mình.

Nó thật sự rất thú vị nên nhất định hãy thử đi nhé.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Sri Lanka)

子どもの ピアノの 教室を 見つけることができました。

Tôi đã có thể tìm thấy lớp học piano cho con mình.

子どもが やりたいと 言っていた
ピアノの 教室を 見つけることが
できました。
子どもの 塾も 見つけることが
できました。

(中国から 来た 人の 話)

Tôi đã có thể tìm thấy lớp học piano mà con mình nói rằng muốn học.

Tôi cũng đã có thể tìm thấy một trường dạy thêm cho con mình.

(Nội dung chia sẻ của một người đến từ Trung Quốc)